

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. BUÔN MA THUỘT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19/8/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.
2. Ông Nguyễn Hoàng Diệu.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1997 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Tuấn T1, sinh năm 1997 (Vắng mặt, không có lý do).

Địa chỉ: Số 132 G, Tổ dân phố 7, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết T trình bày có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Đức Tuấn T1 đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/12/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất do ông T1 nhiều lần cờ bạc, vay mượn xã hội đen dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, và ông T1 có đánh Bà T. Vợ chồng bà T sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng Bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Đ1, sinh ngày 06/7/2020. Hiện Bà T là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 nên bà T có nguyện vọng xin được nuôi cháu Đ1 cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Đức Tuấn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Tuấn T1: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẩn tránh vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 235, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết T.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà Lê Thị Tuyết T được ly hôn với ông Nguyễn Đức Tuấn T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Đ1, sinh ngày 06/7/2020 cho bà Lê Thị Tuyết T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Nguyễn Đức Tuấn T1 có cư trú và sinh sống tại Tổ dân phố 7, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đức Tuấn T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T1 là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/12/2019, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian sau đó đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 nhiều lần cờ bạc, vay mượn xã hội đen dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương cho biết: Ông Nguyễn Đức Tuấn T1 sinh sống tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng là do không

hợp tính nhau, ông T1 không quan tâm chăm sóc vợ con, ham mê cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát và cãi vã nhau.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T1 vắng mặt không tham gia tố tụng, cố tình lẩn tránh. Vì vậy, Tòa án không hòa giải đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Con là Nguyễn Đức Đ1, sinh ngày 06/7/2020, hiện nay Bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung nên cần giao cháu Nguyễn Đức Đ1 cho bà Lê Thị Tuyết T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Đức Tuấn T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết T xin ly hôn ông Nguyễn Đức Tuấn T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết T được ly hôn ông Nguyễn Đức Tuấn T1.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức Đ1, sinh ngày 06/7/2020 cho bà Lê Thị Tuyết T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Đức Tuấn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Lê Thị Tuyết T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0012711 ngày 20/4/2022.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND p. T3, TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan